

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ X WOOD VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ X WOOD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: X WOOD VIETNAM TECHNOLOGY AND TRADING JOINT STOCK CPMPANY

Tên công ty viết tắt: X WOOD TECH.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109292992

3. Ngày thành lập: 04/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xứ đồng khu bãi Quyết Tiến, Thôn Mộc Hoàn Đình, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: xwoodtech@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
2.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
3.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
4.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
5.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
6.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
9.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
13.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
14.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
15.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
17.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
18.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910

19.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
20.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
21.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
22.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
23.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
24.	Xây dựng nhà để ở	4101
25.	Xây dựng nhà không để ở	4102
26.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
27.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
28.	Xây dựng công trình điện	4221
29.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
30.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
31.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
32.	Xây dựng công trình thủy	4291
33.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
34.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
35.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
36.	Phá dỡ	4311
37.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
38.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
39.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
40.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
41.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
42.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
43.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
44.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
45.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
47.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
48.	Bán mô tô, xe máy	4541
49.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
51.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
52.	Bán buôn thực phẩm	4632

53.	Bán buôn đồ uống	4633
54.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
55.	Cho thuê xe có động cơ	7710
56.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
57.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
58.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
59.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
60.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
61.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
62.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
63.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
64.	Khai thác thủy sản biển	0311
65.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
66.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
67.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
68.	Khai thác gỗ	0220
69.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
70.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
71.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
72.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
73.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
74.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Nghiên cứu tìm kiếm chuyển giao, ứng dụng và sản xuất sản phẩm công nghệ - Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490(Chính)
75.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận	7320
76.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN QUỐC HÙNG	Số 11, ngõ 100 Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.833	4.083.300.000	8,167	001070019243	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.833	4.083.300.000	8,167		
2	NGUYỄN NGỌC TRUNG	Phòng 408B-D3 Tập thể 781, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.833	4.083.300.000	8,167	001080011544	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.833	4.083.300.000	8,167		

3	ĐỖ VIỆT THÁI	Số 37, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.833	4.083.300.000	8,167	011988774
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.833	4.083.300.000	8,167	
4	CÁN SƠN THÀNH	Số 16, Tổ 3 Mỗ Lao, Tổ dân phố 9, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.833	4.083.300.000	8,167	001073016386
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.833	4.083.300.000	8,167	
5	TRẦN ĐẮC PHI	Phố Thượng Trung, Phường Ninh Dương, Thành phố Móng cái, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.833	4.083.300.000	8,167	C2265341
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.833	4.083.300.000	8,167	

6	TRỊNH LÊ PHONG	Số 98C, Vạn Phúc Thượng, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.833	4.083.300.000	8,167	001076018920
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.833	4.083.300.000	8,167	
7	TRẦN HOÀI NAM	Số 150, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	255.002	25.500.200.000	51,000	125027963
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	255.002	25.500.200.000	51,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN ĐẮC PHI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C2265341

Ngày cấp: 14/09/2016

Nơi cấp: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố Thượng Trung, Phường Ninh Dương, Thành phố Móng cái, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phố Thượng Trung, Phường Ninh Dương, Thành phố Móng cái, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội